PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phải xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ tài chính

của người đó theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

Cảnh cáo được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính không nghiêm trọng, lần đầu và có tình tiết giảm nhẹ.

b) Phạt tiền;

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với tổ chức vi phạm là 2.000.000.000 đồng và đối với cá nhân vi phạm là 1.000.000.000 đồng.

Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định này là 5% tổng số tiền đã huy động trái pháp luật. Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 6 và Khoản 2 Điều 16 Nghị định này là 05 lần khoản thu trái pháp luật.

Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này được áp dụng đối với tổ chức; cá nhân thực hiện cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Mức phạt tiền quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 11, Khoản 3 Điều 24 và Khoản 1 Điều 27 Nghị định này chỉ áp dụng xử phạt đối với cá nhân.

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ trên 03 tháng đến 24 tháng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ có thời hạn hoạt động niêm yết chứng khoán, hoạt động đăng ký giao dịch chứng khoán; đình chỉ có thời hạn đợt chào mua công khai; đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán; đình chỉ có thời hạn hoạt động chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; đình chỉ có thời hạn hoạt động văn phòng đại diện; đình chỉ có thời hạn hoạt động lưu ký chứng khoán hoặc đình chỉ có thời hạn các hoạt động khác được ghi trong quyết định xử phạt;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành và hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán; buộc thu hồi số cổ phiếu phát hành thêm;

b) Buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng;

c) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm;

đ) Buộc chào mua công khai theo phương án đã đăng ký;

e) Buộc mua tiếp số cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đóng còn lại sau khi thực hiện chào mua công khai;

g) Buộc từ bỏ quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền trên số cổ phần có được từ hành vi vi phạm;

h) Buộc chuyển nhượng chứng khoán để giảm tỷ lệ nắm giữ theo đúng quy định;

i) Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán;

k) Buộc lưu ký, quản lý tách biệt tài sản, vốn, chứng khoán;

l) Buộc giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ TẠI VIỆT NAM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ TẠI VIỆT NAM

Điều 4. Vi phạm quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Việt Nam của công ty đại chúng, vi phạm quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về thông báo phát hành trái phiếu;

b) Thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu khi chưa được chấp thuận hoặc thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu không đúng với phương án đã được chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, hồ sơ phát hành trái phiếu riêng lẻ khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đã nộp;

b) Thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ không đúng với phương án đã đăng ký; thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ không đúng với phương án đã được chấp thuận;

c) Chứng nhận việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu được chào bán, phát hành riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp được pháp luật quy định;

d) Thay đổi mục đích hoặc phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc không có ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Lập, xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, hồ sơ phát hành trái phiếu riêng lẻ có thông tin sai sự thật hoặc che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng;

b) Thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phát hành trái phiếu riêng lẻ khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

c) Thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho tổ chức đăng ký và công bố trên trang thông tin điện tử về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của tổ chức đăng ký; thực hiện phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

d) Thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ khi chưa được cá nhân, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này phải thu hồi cổ phiếu, trái phiếu đã chào bán, phát hành và phải hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu, trái phiếu hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất ghi trên trái phiếu hoặc lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua cổ phiếu hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết

định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

b) Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc thay đổi mục đích hoặc phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này;

c) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

Mục 2
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG TẠI VIỆT NAM

Điều 5. Vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có thông tin sai sự thật hoặc che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng.

3. Phạt tiền từ 1% đến 5% tổng số tiền đã huy động trái pháp luật đối với tổ chức thực hiện hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có sự giả mạo theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật chứng khoán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải thu hồi chứng khoán đã chào bán, hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà cá nhân, tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

b) Tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này phải thu hồi chứng khoán đã chào bán, hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền

đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành. Thời hạn thu hồi chứng khoán, hoàn trả tiền cho nhà đầu tư là 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

c) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng thông tin ngoài Bản cáo bạch hoặc thông tin sai lệch với thông tin trong Bản cáo bạch để thăm dò thị trường trước khi được phép thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng; thực hiện thăm dò thị trường trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Không thực hiện đúng quy định về việc chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa hoặc không thực hiện đúng quy định về việc giải toả số tiền thu được từ đợt chào bán.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không đưa chứng khoán đã chào bán ra công chúng vào giao dịch trên thị trường có tổ chức trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp không đủ điều kiện niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán chứng khoán không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; thực hiện phân phối chứng khoán không đúng quy định pháp luật;

b) Thay đổi mục đích hoặc phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc không có ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán chứng khoán ra công chúng khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

b) Chào bán chứng khoán ra công chúng để thành lập doanh nghiệp, trừ trường hợp được pháp luật quy định;

c) Chào bán chứng khoán ra công chúng nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

5. Phạt tiền từ 01 lần đến 05 lần khoản thu trái pháp luật đối với tổ chức thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng khi chưa có giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 121 Luật chứng khoán.

6. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với tổ chức nước ngoài chào bán chứng khoán ra công chúng tại Việt Nam vi phạm cam kết không chuyển vốn huy động được ra nước ngoài hoặc vi phạm cam kết không rút vốn tự có đối ứng trong thời hạn dự án được cấp phép.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Cá nhân, tổ chức vi phạm quy định tại Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này phải thu hồi chứng khoán đã chào bán, hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà cá nhân, tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc tại thời điểm quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư. Thời hạn nhà đầu tư gửi yêu cầu là 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

b) Buộc thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc thay đổi mục đích hoặc phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

Mục 3
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ, CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN TẠI NƯỚC NGOÀI VÀ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN MỚI LÀM CƠ SỞ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN TẠI NƯỚC NGOÀI HOẶC HỖ TRỢ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN TẠI NƯỚC NGOÀI TRÊN CƠ SỞ CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH TẠI VIỆT NAM

Điều 7. Vi phạm quy định về phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài và phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu về việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ, tài liệu hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ, tài liệu đã nộp.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam khi chưa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận hoặc có ý kiến bằng văn bản.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu về việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, chào bán chứng khoán tại nước ngoài, phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài hoặc hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đã phát hành tại Việt Nam có thông tin sai sự thật hoặc che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Mục 4
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU

Điều 8. Vi phạm quy định phát hành thêm cổ phiếu

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu phát hành thêm cổ phiếu khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ, tài liệu hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ, tài liệu đã nộp;

b) Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu không đúng với phương án đã báo cáo hoặc đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu có thông tin sai sự thật, che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng;

b) Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu nhưng không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc đã báo cáo nhưng chưa có văn bản thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo về phát hành thêm cổ phiếu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc đã đăng ký nhưng chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

d) Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi số cổ phiếu phát hành thêm trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Mục 5
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Điều 9. Vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký công ty đại chúng

1. Cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng quá thời hạn quy định đến 01 tháng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng quá thời hạn quy định từ trên 01 tháng đến 12 tháng.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp hoặc nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng quá thời hạn quy định trên 12 tháng;

b) Hồ sơ đăng ký công ty đại chúng có thông tin không chính xác về cơ cấu cổ đông, về báo cáo tài chính năm gần nhất.

Điều 10. Vi phạm quy định về nghĩa vụ công ty đại chúng

1. Cảnh cáo đối với hành vi không thông báo, thông báo không đúng thời hạn cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi không còn đáp ứng được điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại Điều 25 Luật chứng khoán.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đăng ký, lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán;

b) Vi phạm quy định về thực hiện quyền, đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Điều 11. Vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng

1. Cảnh cáo đối với hành vi không xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đại chúng vi phạm quy định về việc cung cấp thông tin cho cổ đông và Ban kiểm soát.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của công ty đại chúng không tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ về quản trị công ty theo quy định của pháp luật; vi phạm quy định về ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan đến công ty.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định pháp luật quản trị công ty về quyền của cổ đông, về bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, về triệu tập, tổ chức họp và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được cho công ty đại chúng do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Mục 6
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ MUA LẠI CỔ PHIẾU, BÁN CỔ PHIẾU QUỸ

Điều 12. Vi phạm quy định về mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định về nguồn mua lại cổ phiếu, khoảng cách giữa lần mua lại cổ phiếu và bán cổ phiếu quỹ gần nhất.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ nhưng không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật hoặc đã báo cáo nhưng chưa có văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ;

b) Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

c) Mua lại cổ phiếu trong trường hợp pháp luật quy định không được mua lại;

d) Thay đổi ý định, phương án mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ trái quy định pháp luật;

đ) Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ không đúng với phương án đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc nội dung đã công bố thông tin ra công chúng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Mục 7
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHÀO MUA CÔNG KHAI

Điều 13. Vi phạm quy định về chào mua công khai

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trực tiếp hoặc gián tiếp mua hoặc cam kết mua cổ phiếu, quyền mua cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư mục tiêu, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư mục tiêu bên ngoài đợt chào mua công khai;

b) Bán hoặc cam kết bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà mình đang chào mua công khai;

c) Đối xử không công bằng với những người sở hữu cùng loại cổ phiếu, quyền mua cổ phần và trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng chỉ quỹ đóng đang được chào mua công khai;

d) Cung cấp thông tin riêng cho một số cổ đông hoặc nhà đầu tư hoặc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư ở mức độ không giống nhau hoặc không cùng thời điểm;

đ) Tiến hành chào mua công khai không đúng với thời gian quy định hoặc thời gian đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

e) Từ chối mua cổ phiếu của cổ đông công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư của quỹ đầu tư mục tiêu trong quá trình chào mua công khai;

g) Mua cổ phiếu của công ty mục tiêu hoặc chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư mục tiêu theo điều khoản khác với điều khoản được công bố trong bản đăng ký chào mua công khai;

h) Không thực hiện hoặc thực hiện việc mua tiếp số cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đóng còn lại sau khi thực hiện chào mua công khai không đúng quy định về thời gian hoặc thực hiện với điều kiện về giá và phương thức thanh toán không tương tự như đối với đợt chào mua công khai;

i) Không thực hiện báo cáo, công bố thông tin về việc chào mua công khai hoặc thực hiện báo cáo, công bố thông tin về việc chào mua công khai không đúng quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán làm đại lý chào mua công khai thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện chào mua công khai theo đúng quy định để cá nhân, tổ chức chào mua vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Không đảm bảo cá nhân, tổ chức chào mua công khai có đủ tiền để thực hiện chào mua vào thời điểm chính thức chào mua theo đăng ký.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đăng ký chào mua công khai theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện chào mua công khai khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chưa có văn bản chấp thuận đăng ký chào mua;

c) Rút lại đề nghị chào mua công khai khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng việc biết thông tin về chào mua công khai để mua bán chứng khoán cho

chính mình hoặc cung cấp thông tin, xúi giục, lôi kéo người khác mua, bán chứng khoán trước thời điểm chào mua công khai chính thức.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ đợt chào mua công khai trong thời hạn 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chào mua công khai theo phương án đã đăng ký đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm e, g Khoản 1 và Điểm c Khoản 3 Điều này;

b) Buộc mua tiếp số cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ đóng còn lại sau khi thực hiện chào mua công khai đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều này;

c) Buộc từ bỏ quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền trên số cổ phần có được từ hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a, b Khoản 3 Điều này và phải chuyển nhượng số cổ phần đó để giảm tỷ lệ nắm giữ xuống dưới 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng trong thời hạn tối đa 06 tháng;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a, b Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Mục 8
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT, TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Điều 14. Vi phạm quy định về niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch chứng khoán hoặc thực hiện niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung không đúng thời hạn theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đã nộp.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán có thông tin sai sự thật hoặc che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng.

4. Phạt tiền từ 1.800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ giả mạo để niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đã nộp.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành chứng khoán mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký chứng khoán tại nước ngoài không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký niêm yết chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài có thông tin sai sự thật hoặc che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Mục 9
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 16. Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán

1. Phạt tiền từ 1.800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán trái quy định pháp luật trong trường hợp không có khoản thu trái pháp luật.

2. Phạt tiền từ 01 lần đến 05 lần khoản thu trái pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 124 Luật chứng khoán đối với tổ chức có hành vi tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán trái quy định pháp luật trong trường hợp có khoản thu trái pháp luật nhưng mức phạt không thấp hơn mức phạt tối đa quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về quản lý niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán không xử lý kịp thời những trường hợp tổ chức niêm yết không duy trì đầy đủ điều kiện niêm yết theo quy định.

2. Phạt tiền 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết không đúng quy định.

Điều 18. Vi phạm quy định về quản lý thành viên của Sở giao dịch chứng khoán

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán không xử lý kịp thời những trường hợp thành viên giao dịch không duy trì đầy đủ điều kiện về thành viên hoặc không tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ của thành viên theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

2. Phạt tiền 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận hoặc hủy bỏ tư cách thành viên của công ty chứng khoán không đúng quy định.

Điều 19. Vi phạm quy định về giao dịch và giám sát của Sở giao dịch chứng khoán

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức giao dịch loại chứng khoán mới, thay đổi và áp dụng phương thức giao dịch mới, đưa vào vận hành hệ thống giao dịch mới khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

b) Không xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy chế giao dịch hoặc không chấp hành đúng quy trình giám sát các hoạt động giao dịch theo quy định để xảy ra vi phạm.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Sở giao dịch chứng khoán không tạm ngừng, đình chỉ hoặc hủy bỏ giao dịch chứng khoán theo quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp cần thiết để bảo vệ nhà đầu tư.

Mục 10
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN VÀ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Điều 20. Vi phạm quy định về giấy phép thành lập và hoạt động

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam sử dụng tên gọi hoặc thay đổi tên gọi của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch không đúng quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đã nộp.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch trong nước và nước ngoài hoặc đầu tư ra nước ngoài khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

b) Thực hiện chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty, giải thể trước thời hạn, tạm ngừng hoạt động khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tẩy xóa, sửa chữa giấy phép;

b) Mượn, thuê, nhận chuyển nhượng giấy phép hoặc cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng giấy phép;

c) Thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

d) Thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

6. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoặc chấp thuận; cung cấp dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tài chính khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Hoạt động không đúng nội dung quy định trong giấy phép.

7. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đề nghị cấp, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động có thông tin sai sự thật hoặc che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm b, c, d Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về hoạt động của công ty chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện một trong những hành vi vi phạm sau:

a) Không ban hành đầy đủ hoặc không tuân thủ quy trình nội bộ, quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của công ty;

b) Không tuân thủ quy định của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp và quy định pháp luật khác về quản trị, điều hành công ty;

c) Lập, xác nhận hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến có thông tin không chính xác hoặc không sửa đổi, bổ sung hồ sơ khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ;

d) Không thu thập, cập nhật đầy đủ thông tin về khách hàng, trừ trường hợp khách hàng không cung cấp đầy đủ thông tin; không cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, trung thực cho khách hàng;

đ) Không tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ; không thiết lập bộ phận thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết khiếu nại của khách hàng.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện một trong những hành vi vi phạm sau:

a) Không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng từ liên quan đến hoạt động của công ty; hồ sơ, tài liệu, chứng từ lưu giữ không phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của công ty;

b) Mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho khách hàng, nhận lệnh của khách hàng và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng không đúng quy định pháp luật;

c) Vi phạm quy định về trách nhiệm của công ty chứng khoán trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính; thực hiện hành vi bị cấm trong nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính;

d) Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân trái quy định pháp luật;

đ) Không thiết lập, duy trì hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro theo quy định pháp luật; không giám sát, ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa các khách hàng hoặc giữa công ty chứng khoán, người hành nghề chứng khoán và khách hàng theo quy định pháp luật;

e) Đưa ra nhận định hoặc đảm bảo với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc đảm bảo khách hàng không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện một trong những hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

b) Thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận hoặc thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

c) Thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền bằng văn bản của người đứng tên tài khoản;

d) Tiết lộ thông tin khách hàng, trừ trường hợp được pháp luật quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn các thông tin về khách hàng theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

đ) Vi phạm quy định về nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; vi phạm quy định về điều kiện, hạn chế bảo lãnh phát hành chứng khoán; vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán;

e) Thực hiện giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp không đúng quy định pháp luật; thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ không đúng quy định pháp luật;

g) Vi phạm quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán;

h) Thực hiện mua hoặc cho khách hàng mua chứng khoán khi không có đủ tiền theo quy định, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng hoặc không quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng hoặc không quản lý tách bạch tiền của khách hàng với tiền của công ty chứng khoán; trực tiếp nhận và chi trả tiền giao dịch chứng khoán của khách hàng; nhận ủy quyền của khách hàng thực hiện chuyển tiền nội bộ giữa các tài khoản của khách hàng;

b) Vi phạm quy định về quản lý chứng khoán của khách hàng;

c) Vi phạm quy định về hạn chế vay nợ hoặc về hạn chế cho vay;

d) Sử dụng vốn và tài sản của công ty để cho vay trái quy định pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của công ty chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm c, đ, g Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về hoạt động của công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty quản lý quỹ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a, b và d Khoản 1 Điều 21 Nghị định này;

b) Không ký kết hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng hoặc hợp đồng ký kết với khách hàng không có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật;

c) Không tuân thủ điều lệ quỹ đầu tư, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;

d) Không tách biệt về trụ sở, trang thiết bị, hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác; không tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty;

đ) Không cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, trung thực cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo quy định; không đảm bảo cơ cấu nhân sự tại bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ đáp ứng điều kiện theo quy định; không giám sát, ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa các khách hàng hoặc giữa công ty quản lý quỹ, người hành nghề chứng khoán và khách hàng theo quy định pháp luật;

b) Vi phạm quy định về trách nhiệm của công ty quản lý quỹ trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện hành vi bị cấm trong nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;

c) Không thực hiện đúng quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch khi thực hiện giao dịch cho quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư ủy thác và cho công ty;

d) Là đối tác mua, bán trong giao dịch tài sản ủy thác đầu tư trái quy định pháp luật;

đ) Không tuân thủ tỷ lệ đầu tư hoặc không thực hiện việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư theo quy định pháp luật;

e) Không thực hiện đúng quy định về ủy quyền hoạt động của công ty quản lý quỹ;

g) Đưa ra nhận định hoặc đảm bảo với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của khách hàng hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ; thỏa thuận, đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận hoặc thua lỗ với khách hàng; quyết định đầu tư thay cho khách hàng, trừ trường hợp được pháp luật quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty quản lý quỹ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các Điểm b, d và e Khoản 3 Điều 21 Nghị định này;

b) Không thực hiện đúng quy trình, định giá sai giá của chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng, giá trị danh mục đầu tư của quỹ, của công ty đầu tư chứng khoán, của nhà đầu tư ủy thác;

c) Vi phạm quy định về hạn chế đối với hoạt động của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ và nhân viên làm việc tại công ty quản lý quỹ; vi phạm quy định về hạn chế đối với hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán; vi phạm quy định về quỹ đầu tư bất động sản;

d) Không đảm bảo việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, về tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với công ty quản lý quỹ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hành vi trốn tránh nghĩa vụ pháp lý, hạn chế phạm vi bồi thường và trách nhiệm tài chính của công ty quản lý quỹ, chuyển rủi ro từ công ty quản lý quỹ sang nhà đầu tư hoặc buộc nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ bồi thường không công bằng;

b) Sử dụng tài sản của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán đó hoặc quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán khác thành lập và hoạt động tại Việt Nam hoặc góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư tài chính vào chính công ty quản lý quỹ và người có liên quan của công ty quản lý quỹ;

c) Đầu tư tài chính, mua cổ phần, phần vốn góp, trái phiếu, tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp, nắm giữ cổ phần trái quy định;

d) Thực hiện việc đi vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán trái quy định pháp luật;

đ) Sử dụng tài sản của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác để thanh toán nghĩa vụ nợ, cho vay hoặc bảo lãnh bất kỳ khoản vay nào của công ty, người có liên quan của công ty hoặc bất kỳ đối tác nào;

e) Thực hiện việc cho vay hoặc giao vốn của công ty cho tổ chức, cá nhân trái quy định pháp luật;

g) Cho khách hàng vay, mượn chứng khoán hoặc các tài sản khác; môi giới giao dịch giữa khách hàng và bên thứ ba;

h) Không lưu ký và quản lý tách biệt tài sản và vốn của từng nhà đầu tư ủy thác, của từng quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý; không tách biệt tài sản ủy thác, tài sản của quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán và tài sản của chính công ty;

i) Sử dụng vốn của khách hàng ủy thác để đầu tư trái quy định pháp luật;

k) Thông đồng với công ty chứng khoán thực hiện giao dịch quá mức đối với các chứng khoán trong danh mục đầu tư của một quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý để công ty chứng khoán thu lợi từ phí môi giới.

5. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định về huy động và quản lý quỹ, tài sản tại Việt Nam;

b) Vi phạm quy định về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam;

c) Sử dụng tài sản ủy thác trái quy định pháp luật;

d) Chào bán, phát hành chứng khoán để huy động vốn cho chính mình tại Việt Nam;

đ) Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài trái quy định pháp luật;

e) Không lưu ký và quản lý tách biệt tài sản và vốn của từng nhà đầu tư ủy thác, của từng quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán do chi nhánh quản lý; không tách biệt tài sản ủy thác, tài sản của quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán và tài sản của chính chi nhánh.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của công ty quản lý quỹ trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3 và các Điểm đ, e, h, i Khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này;

b) Buộc lưu ký và quản lý tách biệt tài sản và vốn của từng nhà đầu tư ủy thác, của từng quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán do công ty hoặc chi nhánh quản lý; buộc quản lý tách biệt tài sản ủy thác, tài sản của quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán và tài sản của chính công ty hoặc chi nhánh trong thời hạn 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm h Khoản 4 và Điểm e Khoản 5 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định về hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đã nộp;

b) Không ban hành quy trình định giá giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán hoặc không xác định giá trị tài sản ròng hoặc định giá sai giá trị tài sản ròng công ty đầu tư chứng khoán.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tham gia xây dựng, triển khai và phát triển dự án bất động sản;

b) Vi phạm quy định về hạn chế đối với hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán;

c) Thực hiện giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp không đúng quy định pháp luật; thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ không đúng quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn lập, xác nhận hồ sơ đăng ký thành lập công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn có thông tin sai sự thật hoặc che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không thực hiện thủ tục điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Hoạt động văn phòng đại diện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật; không đăng ký hoạt động văn phòng đại diện theo quy định pháp luật hoặc hoạt động văn phòng đại diện khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện;

b) Làm đại diện cho tổ chức khác; thực hiện chuyển nhượng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện cho cá nhân, tổ chức khác;

c) Tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với Trưởng đại diện văn phòng đại diện của tổ chức kinh doanh chứng khoán thực hiện hoạt động kinh doanh tại Việt Nam hoặc hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc thực hiện hoạt động quản lý vốn, tài sản cho nhà đầu tư, cho tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài trái quy định pháp luật.

4. Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện trong thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Lập, xác nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện có thông tin sai sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng;

b) Hoạt động văn phòng đại diện sai mục đích hoặc hoạt động không đúng nội dung trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động văn phòng đại diện trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a và b Khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về thành lập quỹ thành viên

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không sửa đổi, bổ sung hồ sơ thành lập quỹ thành viên khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đã nộp.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng để quảng cáo, kêu gọi góp vốn, thăm dò thị trường trong quá trình thành lập quỹ thành viên;

b) Thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ không đúng quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo về việc thành lập quỹ thành viên theo quy định pháp luật hoặc thành lập quỹ thành viên khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật;

b) Không báo cáo hoặc báo cáo không kịp thời về rủi ro, tổn thất tài sản quỹ.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ thành lập quỹ thành viên có thông tin sai sự thật, che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về quản lý người hành nghề chứng khoán và hành nghề chứng khoán

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo, báo cáo không kịp thời khi thay đổi người hành nghề chứng khoán;

b) Không bố trí đủ người hành nghề chứng khoán cho từng nghiệp vụ kinh doanh theo quy định; bố trí người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ không phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí người chưa có chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ, vị trí mà theo quy định pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Không thay đổi hoặc không thuyên chuyển công tác khỏi vị trí chuyên môn nghiệp vụ đối với người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

c) Không báo cáo, báo cáo không kịp thời khi phát hiện người hành nghề chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

3. Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với người hành nghề chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau, trừ trường hợp pháp luật quy định khác:

a) Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nơi mình làm việc;

b) Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;

c) Đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

d) Đồng thời mở tài khoản giao dịch chứng khoán ở công ty chứng khoán khác.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Mượn, thuê chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc cho mượn, cho thuê chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

5. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thay đổi thứ tự ưu tiên đối với lệnh đặt của khách hàng; lợi dụng việc tiếp cận với thông tin về lệnh đặt của khách hàng khi chưa được nhập vào hệ thống giao dịch để đặt lệnh cho mình hoặc cá nhân, tổ chức khác trên cơ sở dự kiến thông tin trong lệnh giao dịch của khách hàng có khả năng tác động đáng kể đến giá của chứng khoán nhằm kiếm lợi từ thay đổi của giá chứng khoán;

b) Sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;

c) Thực hiện mua, bán chứng khoán trên tài khoản giao dịch ủy thác vượt quá phạm vi được ủy thác, giá trị tài sản ủy thác và mục tiêu đầu tư của khách hàng ủy thác.

6. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chiếm dụng chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng hoặc tạm giữ chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên công ty chứng khoán;

b) Cho mượn tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng;

c) Sử dụng chứng khoán của khách hàng để cầm cố;

d) Sử dụng tài khoản hoặc tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi chưa được công ty chứng khoán ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho công ty chứng khoán bằng văn bản;

đ) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán hoặc cho khách hàng vay chứng khoán, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả chứng khoán, tiền thuộc sở hữu của khách hàng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 6 Điều này.

Mục 11
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 27. Vi phạm quy định về giao dịch của cổ đông sáng lập, cổ đông nội bộ, nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng, cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người phụ trách tài chính, người phụ trách kế toán và người quản lý khác trong bộ máy quản lý công ty đại chúng thực hiện mua và bán hoặc bán và mua chứng khoán của công ty đại chúng không đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo, báo cáo không đúng thời hạn quy định cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ sở hữu vượt quá các ngưỡng 1% số lượng cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo quy định trước khi thực hiện giao dịch; không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ,

chính xác, đúng thời hạn về kết quả thực hiện giao dịch hoặc về lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký;

b) Không thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch đã đăng ký hoặc thực hiện giao dịch chứng khoán không đúng nội dung đăng ký hoặc không đúng quy định pháp luật.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn theo quy định về sở hữu cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán;

b) Báo cáo về sở hữu không đầy đủ hoặc không chính xác các nội dung theo quy định pháp luật;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán khi có sự thay đổi đầu tiên về số lượng cổ phiếu sở hữu làm cho không còn là cổ đông lớn hoặc không còn là nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng;

d) Thực hiện chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được cho công ty đại chúng do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về giao dịch, nắm giữ chứng khoán của nhà đầu tư

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm tỷ lệ nắm giữ chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài; vi phạm quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

b) Vi phạm quy định về tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần hoặc phần vốn góp của công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ;

c) Vi phạm quy định về mở tài khoản giao dịch chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán, tài khoản giao dịch ủy quyền;

d) Vi phạm quy định về giao dịch trong ngày giao dịch.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện một hoặc một số giao dịch nhằm che giấu quyền sở hữu thực sự đối với một chứng khoán để trốn tránh nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc phải chuyển nhượng cổ phiếu trong thời hạn tối đa 60 ngày để giảm tỷ lệ nắm giữ theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a và b Khoản 1 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về giao dịch bị cấm

1. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi giao dịch nội bộ.

2. Phạt tiền từ 1.200.000.000 đồng đến 1.400.000.000 đồng đối với hành vi gian lận hoặc tạo dựng, công bố thông tin sai sự thật nhằm lôi kéo, xúi giục việc mua, bán chứng khoán.

3. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng đối với hành vi giao dịch thao túng thị trường chứng khoán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán hoặc tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Mục 12
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, BÙ TRỪ VÀ THANH TOÁN CHỨNG KHOÁN, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Điều 30. Vi phạm quy định về đăng ký hoạt động lưu ký

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại không thực hiện đăng ký thành viên lưu ký, chi nhánh thành viên lưu ký và hoạt động lưu ký chứng khoán trong thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán khi chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định pháp luật; hoạt động lưu ký chứng khoán khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán hoặc khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại lập hồ sơ đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, chi nhánh hoạt động lưu ký có thông tin sai sự thật, che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với Trung tâm lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký chứng khoán, ngân hàng thanh toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức thực hiện đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán khi chưa đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán theo quy định pháp luật;

b) Không cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác danh sách người sở hữu, cổ đông và các tài liệu liên quan theo yêu cầu hợp lệ và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của công ty đại chúng; không thông báo kịp thời, đầy đủ các quyền lợi phát sinh liên quan đến chứng khoán lưu ký của khách hàng.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với Trung tâm lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký chứng khoán vi phạm quy định về bảo quản, lưu giữ chứng khoán; vi phạm quy định về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với Trung tâm lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký chứng khoán và phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với nhân viên của thành viên lưu ký chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định về hạch toán trên tài khoản lưu ký chứng khoán, về thời gian thanh toán, về chuyển giao quyền sở hữu chứng khoán;

b) Thực hiện giao dịch chứng khoán khi chưa được Trung tâm lưu ký chứng khoán hạch toán vào tài khoản chứng khoán giao dịch của thành viên, trừ trường hợp pháp luật quy định khác;

c) Không bảo vệ cơ sở dữ liệu và lưu giữ các chứng từ gốc về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán theo quy định;

d) Vi phạm quy định về bảo mật thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán của khách hàng;

đ) Không lưu ký và không quản lý tách biệt chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký với tài sản của Trung tâm lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký; không mở tài khoản lưu ký chứng khoán chi tiết cho từng khách hàng và quản lý tách biệt tài sản cho từng khách hàng.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chấp thuận hoặc hủy bỏ tư cách thành viên lưu ký không đúng quy định;

b) Sử dụng chứng khoán của khách hàng vì lợi ích của cá nhân, tổ chức khác hoặc vì lợi ích của chính Trung tâm lưu ký chứng khoán.

5. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với Trung tâm lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký chứng khoán và phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với nhân viên của thành viên lưu ký chứng khoán thực hiện hành vi sửa chữa, giả mạo, làm thất lạc chứng từ trong thanh toán, chuyển giao quyền sở hữu chứng khoán.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với thành viên lưu ký vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với thành viên lưu ký vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 3 và Khoản 5 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc quản lý tách biệt chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký với tài sản của Trung tâm lưu ký chứng khoán, thành viên lưu ký; buộc phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán chi tiết cho

từng khách hàng và quản lý tách biệt tài sản cho từng khách hàng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về trách nhiệm của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký theo quy định tại hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, điều lệ quỹ và theo quy định pháp luật;

b) Không lập, lưu giữ hồ sơ, chứng từ theo quy định; hồ sơ, chứng từ lưu giữ không phản ánh chính xác, chi tiết các giao dịch của công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư, nhà đầu tư ủy thác, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật;

c) Không cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin cho công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán theo quy định pháp luật;

d) Không đảm bảo bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng có nhân viên có chứng chỉ hành nghề kiểm toán hoặc kế toán theo quy định pháp luật;

đ) Chưa xây dựng quy trình hoạt động, quản lý rủi ro để đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với ngân hàng lưu ký thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền, chứng khoán không kịp thời, chính xác theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện việc thanh toán cho các giao dịch không phù hợp với điều lệ quỹ, hợp đồng ủy thác và hợp đồng lưu ký chứng khoán;

c) Không thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp khác của công ty quản lý quỹ, của ngân hàng giám sát và các quyền phát sinh trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán và của nhà đầu tư ủy thác;

d) Không thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời quy định về việc thanh lý tài sản, phương án xử lý các tài sản còn lại và thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các thông tin cần thiết có liên quan đến việc giải thể quỹ đầu tư.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với ngân hàng giám sát và phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám

đốc, nhân viên nghiệp vụ của ngân hàng giám sát thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Là người có liên quan hoặc tham gia điều hành, quản trị công ty quản lý quỹ hoặc có quan hệ sở hữu, tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và ngược lại;

b) Là đối tác trong giao dịch tài sản của quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán;

c) Không giám sát hoạt động, hạn chế đầu tư của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ thực hiện;

d) Không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc báo cáo không kịp thời khi phát hiện sai sót, vi phạm của công ty quản lý quỹ;

đ) Không thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên nghiệp vụ là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, tham gia góp vốn, nắm giữ cổ phần, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và ngược lại;

e) Không tách biệt về hoạt động, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống báo cáo giữa bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng, bộ phận thực hiện chức năng giám sát, bộ phận chịu trách nhiệm lập, lưu trữ và cập nhật Sổ đăng ký nhà đầu tư;

g) Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của ngân hàng giám sát tại các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của quỹ đầu tư do công ty quản lý quỹ lập; xác nhận báo cáo tài sản quỹ đại chúng, tài sản công ty đầu tư chứng khoán, báo cáo xác định giá trị tài sản ròng do công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán lập không chính xác hoặc sai lệch.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với ngân hàng lưu ký thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lưu ký và không tách biệt tài sản của từng quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán, của từng khách hàng ủy thác và tài sản của ngân hàng theo quy định pháp luật;

b) Sử dụng tiền và tài sản của quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán, của nhà đầu tư ủy thác sai mục đích, không đúng quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng lưu ký và quy định pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lưu ký, quản lý tách biệt tài sản của từng quỹ đầu tư, của công ty đầu tư chứng khoán, của từng khách hàng ủy thác và tài sản của ngân hàng theo quy

định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

Mục 13
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

Điều 33. Vi phạm quy định về công bố thông tin

1. Cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin; không thông báo, thông báo không đúng thời hạn về việc thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định pháp luật;

b) Không thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức công bố thông tin;

b) Không lưu giữ thông tin công bố theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong những hành vi vi phạm sau:

a) Không lập trang thông tin điện tử theo quy định pháp luật;

b) Không công bố thông tin theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Không xác nhận hoặc đính chính thông tin hoặc xác nhận, đính chính thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật khi có thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán hoặc khi nhận được yêu cầu xác nhận, đính chính thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

d) Công bố thông tin có nội dung không chính xác.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ thông tin hoặc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại các Điểm c và d Khoản 4 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về báo cáo

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn, không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Báo cáo có nội dung không chính xác.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

Mục 14
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TOÁN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN, TỔ CHỨC NIÊM YẾT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG, CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 35. Vi phạm quy định về kiểm toán công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức niêm yết, tổ chức thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ và các công ty quản lý quỹ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận không báo cáo, báo cáo không đúng thời hạn cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thay đổi tên gọi, trụ sở hoặc lĩnh vực hành nghề theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận và phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thông báo cho đơn vị được kiểm toán khi phát hiện hành vi không tuân thủ pháp luật và quy định liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc không kiến nghị đơn vị được kiểm toán có biện pháp ngăn ngừa, sửa chữa, xử lý sai phạm hoặc không ghi ý kiến vào báo cáo kiểm toán hoặc thư quản lý theo quy định của chuẩn mực kiểm toán trong trường hợp đơn vị được kiểm toán không sửa chữa, xử lý sai phạm;

b) Không thông báo, thông báo không kịp thời bằng văn bản cho đơn vị được kiểm toán hoặc cho người thứ ba hoặc cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có nghi ngờ hoặc phát hiện đơn vị được kiểm toán có sai phạm trọng yếu do không tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

c) Không giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán hoặc giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán không kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Giao một phần hoặc toàn bộ công việc kiểm toán công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức niêm yết, tổ chức thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ và các công ty quản lý quỹ cho tổ chức kiểm toán không được chấp thuận thực hiện, trừ trường hợp được pháp luật quy định;

b) Không báo cáo, báo cáo không đúng thời hạn cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thay đổi danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

Mục 15
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THANH TRA, KIỂM TRA CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

Điều 36. Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử hoặc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử không đầy đủ, kịp thời cho đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc người có thẩm quyền;

b) Cản trở, gây khó khăn hoặc trốn tránh việc thanh tra, kiểm tra của người có thẩm quyền;

c) Cố ý trì hoãn, trốn tránh, không thi hành quyết định hành chính của người có thẩm quyền; không thực hiện các yêu cầu, kết luận, quyết định của đoàn thanh tra, kiểm tra.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi vi phạm sau:

a) Che giấu, sửa chữa chứng từ, tài liệu, sổ sách, dữ liệu điện tử hoặc làm thay đổi tang vật trong khi đang bị thanh tra, kiểm tra;

b) Tự ý tháo bỏ, tẩu tán hoặc có hành vi khác làm thay đổi tình trạng niêm phong tiền, chứng khoán, sổ sách, hồ sơ, chứng từ kế toán hoặc các tang vật, phương tiện bị niêm phong khác.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán hoặc tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu chứng từ, tài liệu, sổ sách, dữ liệu điện tử đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Chương III
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT, LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG HÌNH THỨC XỬ PHẠT BỔ SUNG, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 37. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Chánh Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Phạt tiền tối đa đến 5% tổng số tiền đã huy động trái pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 5 và phạt tiền tối đa đến 05 lần khoản thu trái pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều 6 và Khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

d) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Các chức danh nêu tại Điều 37 Nghị định này khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

2. Công chức, viên chức thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đang thi hành nhiệm vụ, công vụ khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Điều 39. Áp dụng hình thức đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán

1. Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán quy định tại Khoản 3 Điều 16, Khoản 8 Điều 20 và Khoản 5 Điều 21, Điểm a Khoản 6 Điều 22, Điểm b Khoản 7 Điều 26, Khoản 4 Điều 29, Điểm b Khoản 6 Điều 31, Khoản 5 Điều 33, Khoản 4 Điều 34, Điểm a Khoản 3 Điều 36 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán của tổ chức vi phạm.

2. Trường hợp chỉ ra quyết định đình chỉ có thời hạn một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán thì Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải ghi rõ trong quyết định xử phạt về nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán bị đình chỉ và thời hạn đình chỉ.

3. Trường hợp bị đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, tổ chức vi phạm phải đình chỉ ngay một phần hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ chứng khoán hoặc các hoạt động khác được ghi trong quyết định xử phạt.

Điều 40. Áp dụng hình thức đình chỉ có thời hạn hoạt động niêm yết chứng khoán, hoạt động đăng ký giao dịch chứng khoán

1. Quyết định áp dụng hình thức đình chỉ có thời hạn hoạt động niêm yết chứng khoán, hoạt động đăng ký giao dịch chứng khoán quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định này phải được đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán.

2. Việc đình chỉ có thời hạn hoạt động niêm yết chứng khoán, hoạt động đăng ký giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 41. Áp dụng hình thức đình chỉ có thời hạn hoạt động lưu ký chứng khoán

1. Quyết định áp dụng hình thức đình chỉ có thời hạn hoạt động lưu ký chứng khoán quy định tại Khoản 4 Điều 30, Điểm a Khoản 6 Điều 31 và Khoản 5 Điều 32 Nghị định này phải được đồng thời gửi cho Trung tâm lưu ký chứng khoán.

2. Việc đình chỉ có thời hạn hoạt động lưu ký chứng khoán thực hiện theo quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Điều 42. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin, cá nhân, tổ chức vi phạm phải công bố về việc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin trên 01 tờ báo trung ương trong 03 số liên tiếp và trên trang thông tin điện tử của công ty. Cá nhân, tổ chức vi phạm khi thực hiện hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về thông tin hủy bỏ và thông tin được cải chính.

2. Thời hạn thực hiện biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 60 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành. Đối với số lợi thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức không sung vào ngân sách nhà nước mà buộc cá nhân, tổ chức vi phạm phải trả lại cá nhân, tổ chức đó.

3. Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định này là 30 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp quy định tại các Điểm a và b Khoản 4 Điều 4, các Điểm a và b Khoản 4 Điều 5, Khoản 7 Điều 6, Điểm b Khoản 3 Điều 8, Điểm c Khoản 6 Điều 13, Điểm b Khoản 7 Điều 22, Khoản 8 Điều 26, Điểm b Khoản 3 Điều 28, Điểm a Khoản 7 Điều 31, Điểm a Khoản 6 Điều 32, Khoản 4 Điều 35, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 42 Nghị định này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2013 và thay thế Nghị định số 85/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán xảy ra trước thời điểm Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang trong quá trình xem xét, giải quyết thì vẫn áp dụng các quy định tại Nghị định số 85/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán để xử phạt, trừ trường hợp các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong Nghị định này có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử phạt.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt còn khiếu nại thì áp dụng Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 85/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán để giải quyết.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng